TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày 09-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN KIẾN AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Lã Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hoàng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là A); địa chỉ: Số 422 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Thị L – Nhân viên Xử lý nợ; địa chỉ: Số 10 phố P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 1865/UQ-CNTL.23 ngày 20 tháng 6 năm 2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị T; địa chỉ: Số 852 đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/5/2019, bà Vũ Thị T có ký với A Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Biểu phí, lãi suất đính kèm Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của A và các văn bản khác về việc sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất là 27%/năm (lãi suất trong hạn), .

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng (ngày 22/5/2019), trong quá trình sử dụng thẻ bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 48.000.000 đồng, bà T đã thanh toán được 16.222.356 đồng, số tiền còn lại là 49.245.853 đồng bà T không thanh toán đầy đủ cho A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 20/10/2020, A đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn, đồng thời chấm dứt việc chấm dứt và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của bà T. Tạm tính đến ngày 09/01/2024, bà T còn nợ của A các khoản sau:

- Vốn gốc: 49.245.853 đồng

- Lãi quá hạn: 65.285.834 đồng

Tổng cộng: 114.531.687 đồng

Kể từ ngày chuyển sang nợ quá hạn, A đã nhiều lần liên lạc với bà T để yêu cầu bà T thanh toán nợ cho A, nhưng bà T không chịu thanh toán. Vì vậy, A yêu cầu Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng là Tòa án nơi bà T đang cư trú giải quyết:

1. Buộc bà Vũ Thị T phải trả ngay cho A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 09/01/2024 là 114.531.687 đồng.

2. Bà Vũ Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành việc cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là bà Vũ Thị T; bà T đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của A.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, việc giao nộp, yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ và tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, việc xác minh, thu thập chứng cứ, việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp, tống đạt, thông bảo văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa.

Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237, Điều 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 09/01/2024 là 114.531.687 đồng.

+ Bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

+ Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là bà Vũ Thị T hiện cư trú tại: Số 852 đường T, phường Q, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, tại phiên tòa bà Vũ Thị T vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền tạm tính đến hết ngày 09/01/2024 là 114.531.687 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/5/2019 giữa A với bà Vũ Thị T được thể hiện bằng văn bản; chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là những người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi ký hợp đồng này, A đã giải ngân cho bà T bằng việc cấp cho bà T 01 Thẻ tín dụng có hạn mức 50.000.000 đồng vào ngày 22/5/2019 được thể hiện trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/5/2019 và Thông báo giao dịch thẻ tín dụng lập ngày 24/8/2019 của A đối với khách hàng Vũ Thị T.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều kỳ bà T không thanh toán cho Ngân hàng đúng hạn nên ngày 20/10/2020 A đã chuyển toàn bộ dư nợ của bà T còn thiếu là 49.245.853 đồng sang nợ gốc quá hạn, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà và *"áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo lãi suất do A quy định phù hợp với quy định của pháp luật từng thời điểm và cập nhật trên hệ thống website của A"* là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Điều 10 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của A. Bà T đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân quận Kiến An, nên biết được yêu cầu khởi kiện của A đối với mình, nhưng bà T không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của A về việc buộc bà Vũ Thị T phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 09/01/2024 là 114.531.687 đồng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bà Vũ Thị T phải tiếp tục thanh toán cho A tiền lãi quá hạn phát sinh trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng kể từ ngày 10/01/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 5.726.584 đồng. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.523.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, các điều 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Vũ Thị T phải thanh toán cho A số tiền nợ gốc là 49.245.853 đồng và số tiền lãi quá hạn tạm tính đến hết ngày 09/01/2024 là 65.285.834 đồng, tổng cộng là 114.531.687 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 10/01/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Vũ Thị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 15/5/2019 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế của A.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vũ Thị T phải nộp 5.726.584 đồng (Bằng chữ: Năm triệu, bảy trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại A số tiền 2.523.000 đồng (Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn đồng), là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003873 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bình